TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP. HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** ----------

Bản án số: 03/2024/HNGĐ – ST
Ngày 22- 01- 2024
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀNỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thu Hương**
Bà **Đỗ Thị Hòa**

- Thư ký phiên toà: Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thị Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Thế Thị H**, sinh năm 1982; Có mặt.
HKTT: Thôn 5, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Thôn 10, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội
- *Bị đơn*: Anh **Trần Đăng Ph**, sinh năm 1981; Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 10, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản khai tiếp theo tại Toà án của các bên thì vụ án có nội dung như sau:

Chị Thế Thị H và anh Trần Đăng Ph có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 18/5/2022.

Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà anh Ph ở Thôn 10, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, chị và anh Ph chỉ sống hạnh phúc được khoảng 10 ngày thì phát sinh mâu thuẫn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị H khai: Do chị và anh Ph đều đã từng ly hôn. Khi chị và con riêng của chị về sống chung với bố con anh Ph thì con riêng của anh Ph rất hỗn láo, thường chửi và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Anh Ph bênh con nên hùa vào chửi chị rất thậm tệ. Từ tháng 3/2023, chị về nhà bố mẹ đẻ chị tại Thôn 5, xã H sống

khoảng 01 tháng, sau đó chị xây nhà ở riêng tại thửa đất riêng của chị ở Thôn 10, xã H. Từ đó đến nay, chị và anh Ph sống ly thân, thỉnh thoảng anh Ph lại xuống nhà chị đòi quan hệ vợ chồng, nếu chị không đáp ứng thì quay ra chửi chị rất là thô tục. Mỗi lần anh Ph xuống nhà chị thì anh Ph lại xúc phạm con riêng của chị. Khoảng tháng 6/2023, anh Ph xuống nhà riêng của chị để đòi quan hệ tình dục, chị không đồng ý thì anh Ph chửi chị, hai bên xảy ra cãi nói và anh Ph đánh chị. Sự việc đó chị có gọi Công an xã H đến để giải quyết. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ph để mẹ con chị sớm ổn định cuộc sống.

Theo anh Ph trình bày: Sau khi kết hôn, chị H về chung sống cùng bố con anh tại Thôn 10, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội. Anh và chị H đều đã từng ly hôn, anh nuôi cả 02 con của anh và vợ cũ. Trong quá trình chị H về chung sống cùng bố con anh thì giữa chị H và con trai anh có nhiều bất đồng, không hòa hợp. Chị H không nấu cơm cho con anh ăn, con anh cũng không nấu cơm cho chị H ăn. Anh là người ở giữa nên rất khó xử. Từ tháng 3/2023, chị H làm nhà trên đất khác tại Thôn 10, xã H. Chị H và con riêng của chị H ở trên đất nhà đó. Anh vẫn đi lại giữa nhà riêng của anh và nhà của chị H. Cuộc sống của anh và chị H rất căng thẳng, chị H nhiều lần đòi ly hôn khiến anh rất đau đầu. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công sức: Theo chị H thì anh chị không có tài sản chung. Theo anh Ph trình bày, trong thời gian chị H làm nhà thì anh có bỏ công sức để giúp chị H xây dựng ngôi nhà, làm mái, làm ổ điện. Anh đề nghị khi ly hôn, anh sẽ dỡ bỏ mái nhà đưa về, chọc bỏ ổ điện không cho chị H sử dụng nữa. Anh được Tòa án giải thích thủ tục nếu yêu cầu chia tài sản thì phải làm đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản nhưng anh không làm. Anh không yêu cầu chia tài sản, chỉ yêu cầu dỡ bỏ mái nhà, chọc bỏ ổ điện chứ anh cũng không cần lấy bằng tiền. Đề nghị Tòa án cho anh một cái giấy đóng dấu của Tòa án vào để anh về dỡ mái nhà và chọc bỏ ổ điện của nhà chị H.

Về nợ: Anh Ph khai anh có cho chị H vay 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) để chị H đặt cọc mua đất trước khi kết hôn với anh. Thời gian thì anh không nhớ chính xác. Khi cho chị H vay thì anh tin tưởng chị H nên đưa tiền mặt và hai bên không làm giấy tờ gì với nhau cả. Nếu ly hôn, anh đề nghị chị H trả lại cho anh số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) này. Anh đã được Tòa án giải thích là nếu anh yêu cầu đòi nợ số tiền này của chị H thì anh phải làm đơn và nộp tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu đòi nợ của anh nhưng anh không làm, chị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh.

Ngoài ra, trong thời gian làm nhà, cổng của nhà anh, anh có mua sắt và tôn của nhà máy cán tôn Đại Hùng Phát ở huyện Đ. Địa chỉ cụ thể thì anh không rõ. (Số điện thoại 0986981xxx). Hiện nay, anh và chị H đang nợ nhà máy này số tiền hơn 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Anh đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi công nợ này, anh và chị H mỗi người phải trả 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền nợ.

Đối với yêu cầu đòi nợ số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) của anh Ph thì quan điểm của chị H như sau: Việc anh Ph cho rằng anh Ph cho chị vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng)* để đặt cọc đất là không đúng. Chị mua thửa đất này trước khi kết hôn với anh Ph và không liên quan gì đến tiền nong với anh Ph nên anh Ph yêu cầu chị trả số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng)* thì chị không đồng ý.

Đối với số tiền nợ tiền sắt là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) như anh Ph yêu cầu thì chị công nhận là có nợ và chị đồng ý mỗi người sẽ có trách nhiệm trả 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Nhưng nếu chị trả số tiền sắt này thì anh Ph phải trả cho chị số tiền công thợ sắt mà chị đã thanh toán là 2.360.000đ (*Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho thợ sắt là anh Qu người ở xã H. Đây là tiền anh Qu làm cổng tại nhà riêng của anh Ph. Anh Ph đồng ý trả lại cho chị H số tiền 2.360.000đ (*Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)* mà chị H đã trả cho anh Qu thợ sắt.

Theo xác nhận của bà Lê Thị M - Chủ cửa hàng tôn sắt Đại Hùng Phát; Địa chỉ: Đội 9, xã Th, huyện Đ, Thành phố Hà Nội thì ngày 08/5/2023, bà có bán cho vợ chồng anh Trần Đăng Ph và chị Thế Thị H ở Thôn 10, xã H, huyện P 01 đơn hàng gồm tôn sắt với số tiền 10.061.000đ. Nay vợ anh Ph là chị Thế Thị H đã thanh toán trả (chuyển khoản) số tiền 5.000.000đ. Số tiền còn lại anh Trần Đăng Ph phải thanh toán nốt cho bà. Bà không đòi chị H nữa. Phần còn lại bà tự đòi anh Ph và không liên quan đến việc ly hôn của anh Ph và chị H. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Ph và trình bày quan điểm như sau: Về tài sản chung: Không có; Về công sức: Trước đây chị có yêu cầu anh Ph phải thanh toán trả cho chị số tiền 2.360.000đ là tiền chị đã trả cho thợ sắt là anh Qu người ở xã H nhưng nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa; Về nợ: Khoản nợ 100.000.000đ anh Ph khai cho chị vay là không có. Đối với khoản nợ tiền sắt ở huyện Đ, chị đã chuyển khoản trả phần của chị là 5.000.000đ, đã được chủ cửa hàng tôn sắt Đại Hùng Phát xác nhận.

Anh Ph vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Thế Thị H được ly hôn anh Trần Đăng Ph. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công sức, về nợ: Không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho anh Ph, nếu sau này có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Thế Thị H. Bị đơn là anh Trần Đăng Ph có hộ khẩu thường trú tại Thôn 10, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thế Thị H và anh Trần Đăng Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P vào ngày 18/5/2022 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, chị H và anh Ph đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ mối quan hệ của chị H với con riêng của anh Ph không tốt đẹp, anh Ph đứng về phía con riêng cũng mâu thuẫn với chị H. Con riêng của anh Ph thường chửi và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 03/2023, chị về nhà bố mẹ đẻ chị tại Thôn 5, xã H sống. Khoảng 01 tháng sau đó, chị xây nhà ở riêng tại Thôn 10, xã H. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân nhau. Thỉnh thoảng anh Ph lại xuống nhà chị đòi quan hệ vợ chồng, nếu chị không đáp ứng thì quay ra chửi chị rất là thô tục. Chị cũng từng ly hôn và đang nuôi con riêng, mỗi lần anh Ph xuống nhà thì anh Ph lại xúc phạm con riêng của chị. Theo anh Ph thì trong quá trình chung sống giữa chị H và con trai anh có nhiều bất đồng, không hòa hợp. Chị H không nấu cơm cho con anh ăn, con anh cũng không nấu cơm cho chị H ăn. Anh là người ở giữa nên rất khó xử. Từ tháng 03/2023, chị H làm nhà trên đất khác tại Thôn 10, xã H. Chị H và con riêng của chị H ở trên đất nhà đó. Anh vẫn đi lại giữa nhà riêng của anh và nhà của chị H. Cuộc sống của anh và chị H rất căng thẳng, chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Ph đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh Ph.

[2.2]. Về con chung: Không có.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, anh Ph có trình bày trong thời gian chị H làm nhà thì anh có bỏ công sức để giúp chị H xây dựng ngôi nhà, làm mái, làm ổ điện. Anh đề nghị khi ly hôn, anh sẽ dỡ bỏ mái nhà đưa về, chọc bỏ ổ điện không cho chị H sử dụng nữa. Anh được Tòa án giải thích thủ tục nếu yêu cầu chia tài sản thì phải làm đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản nhưng anh không làm. Anh không yêu cầu chia tài sản, chỉ yêu cầu dỡ bỏ mái nhà, chọc bỏ ổ điện chứ anh cũng không cần lấy bằng tiền. Đề nghị Tòa án cho anh một cái giấy đóng dấu của Tòa án vào để anh về dỡ mái nhà và chọc bỏ ổ điện của nhà chị H.

Xét yêu cầu của anh Ph về việc khi ly hôn thì anh sẽ đến tại ngôi nhà mà mẹ con chị H đang ở để dỡ mái nhà, chọc ổ điện là không hợp lý và không hợp pháp. Những

thiết bị này được xây dựng kiên cố nên hành vi dỡ mái nhà, chọc bỏ ổ điện sẽ làm ảnh hưởng đến tài sản và công năng sử dụng của ngôi nhà. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã giải thích cho anh Ph về việc nếu anh yêu cầu chia tài sản thì sẽ phải làm đơn và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng anh không thực hiện. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết yêu cầu này của anh Ph, nếu sau này anh có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với yêu cầu của chị H: Trước đây, chị có yêu cầu anh Ph thanh toán trả cho chị số tiền 2.360.000đ (*Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) là tiền chị đã trả cho thợ sắt là anh Qu người ở xã H khi anh Qu làm cổng cho nhà anh Ph thì tại phiên tòa hôm nay chị không yêu cầu nữa nên HĐXX không xem xét.

[2.3]. Về nợ: Theo anh Ph khai thì anh có cho chị H vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) để chị H đặt cọc mua đất trước khi kết hôn với anh. Thời gian cho vay thì anh không nhớ chính xác. Khi cho chị H vay thì anh tin tưởng chị H nên đưa tiền mặt và hai bên không làm giấy tờ gì với nhau cả. Nếu ly hôn, anh đề nghị chị H trả lại cho anh số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) này. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh đã được Tòa án giải thích về việc nếu anh có yêu cầu đòi nợ số tiền này của chị H thì anh phải làm đơn và nộp tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu đòi nợ của anh nhưng anh không thực hiện. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết yêu cầu này. Nếu sau này anh Ph có yêu cầu thì sẽ được quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

Đối với số tiền nợ tiền sắt ở cửa hàng tôn sắt Đại Hùng Phát; Địa chỉ: Đội 9, xã Th, huyện Đ, Thành phố Hà Nội thì chị H đã thanh toán trả cho chủ cửa hàng số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và chủ cửa hàng không có yêu cầu đòi nợ số tiền còn lại trong vụ án này nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Thế Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Xử:

+ Chị Thế Thị H được ly hôn anh Trần Đăng Ph.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức, về nợ: Không xem xét giải quyết. Nếu anh Ph có yêu cầu sẽ được quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Về án phí: Chị Thế Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013019 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

+ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Thế Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Đăng Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã H (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA